TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25- 6 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thuý;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồ;

Ông Đỗ Xuân Trường;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Trần Thị Thuý Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 97/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1983; có mặt;

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn Đ2, xã Đ1, huyện Đ, Thành phố H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980; vắng mặt;

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn Đ2, xã Đ1, huyện Đ, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hương L thì: Chị L và anh Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ1, huyện Đ, Thành phố H vào ngày 26 tháng 10 năm 2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc Đ một thời ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ tháng 2/2024 vợ chồng ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không hạnh phúc, không thể chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Đ được ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh Đ có bốn con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày

26/10/2002; cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 18/7/2004; cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 19/7/2018 và cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 29/11/2020. Hiện nay, cháu T và cháu T1 đã trưởng thành, khoẻ mạnh. Khi ly hôn, chị có muốn nuôi hai cháu là cháu Hà V và cháu Bích N, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công sức đóng góp với gia đình anh Đ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên toà và có đơn xin giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai anh Đ đã nộp cho Toà án thì:

Anh và chị Nguyễn Thị Hương L kết hôn ngày 26/10/2001, có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Tháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng ở thôn Đại Thần, xã Đồng Tháp. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc. Quá trình sinh sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Nhưng anh nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng nhỏ có thể giải quyết. Anh đã nhận Đ thông báo thụ lý vụ án của Toà án về việc chị L xin ly hôn với anh. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý. Anh vẫn còn tình cảm với chị L và các con anh còn nhỏ, anh muốn cùng chị L nuôi dạy con cái. Các con anh còn nhỏ, mong Toà án hoà giải để vợ chồng anh Đ về đoàn tụ với nhau để cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên anh chưa có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Trong bất kỳ trường hợp nào anh cũng không đồng ý ly hôn với chị L và không đồng ý chia bất kỳ tài sản nào.

Về con chung: Anh và chị L có bốn con chung là cháu Nguyễn Thị T , sinh ngày 26/10/2002; cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 18/7/2004; cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 19/7/2018 và cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 29/11/2020. Anh không đồng ý ly hôn với chị L nên không có yêu cầu giải quyết.

Nếu trong trường hợp, anh và chị L ly hôn thì anh xin Đ nuôi hai cháu là cháu Hà V và cháu Bích N, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu T và cháu T1 đã trưởng thành, khoẻ mạnh.

Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; về công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/10/2002 và cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 18/7/2004 đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên HĐXX không xem xét. Giao cháu

Nguyễn Hà V, sinh ngày 19/7/2018 và cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 29/11/2020 cho chị L nuôi con; ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của chị L. Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hương L có đơn xin ly hôn, giải quyết về quyền nuôi con khi ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ. Anh Đ có nơi thường trú tại xã Đ1, huyện Đ, Thành phố H. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã Đ tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử để xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hương L và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày ngày 26 tháng 10 năm 2001 tại UBND xã Đ1, huyện Đ, Thành phố H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L và anh Đ không còn quan tâm đến nhau. Anh Đ xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt Đ, nên chấp nhận cho chị L và anh Đ ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Đ có bốn con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/10/2002; cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 18/7/2004; cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 19/7/2018 và cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 29/11/2020. Hiện nay, cháu T và cháu T1 đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động, khoẻ mạnh nên không xem xét. Từ khi chị L và anh Đ chưa phát sinh mâu thuẫn thì các con đều do chị L chăm sóc, anh Đ không có đóng góp và cũng không giúp đỡ chị trong việc nuôi dạy các con. Anh Đ hiện nay đang làm công ty nhưng từ trước đến nay không có bất kì đóng góp nào cho chị L để nuôi con. Tiền lương và thu nhập của anh Đ, chị L không Đ biết và cũng không nắm Đ. Chị L hiện nay làm nghề lao động tự do, buôn bán tại chợ và có mức thu nhập từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng mỗi ngày. Vì từ trước đến nay các con đều do chị L chăm sóc và cháu V cũng có nguyện vọng ở cùng chị L, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, quyết định giao cháu V và cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản, công sức của chị L với gia đình anh Đ và nợ chung: Chị L và anh Đ đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hương L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hương L Đ ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị Hương L và anh Nguyễn Văn Đ có bốn con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/10/2002; cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 18/7/2004; cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 19/7/2018 và cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 29/11/2020.

Cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/10/2002 và cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 18/7/2004 đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động.

Giao cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 19/7/2018 và cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 29/11/2020 cho chị L nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Hương L cho tới khi chị có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai Đ cản trở.

3. Về tài sản; công sức; công nợ: không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hương L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, Đ trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010665 ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hương L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc kể từ ngày bản án Đ niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đan Phượng,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- UBND xã Đ1, huyện Đ, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Thuý

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- UBND xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà